

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án Di dời các cơ sở giết mổ gia súc nhỏ lẻ, xen kẽ trong khu dân cư thuộc 05 xã phía Bắc huyện Tuy Phước vào Cơ sở giết mổ động vật tập trung tại xã Nhơn An, thị xã An Nhơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 51/2020/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định về chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

Căn cứ Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt giá dịch vụ giết mổ tại Nhà máy giết mổ gia súc, gia cầm tập trung Nhơn An, thôn Tân Dương, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn;

Theo đề nghị của UBND Tuy Phước tại Tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 22/03/2023, ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 1241/STC-QLNS ngày 20/4/2023 và đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Báo cáo số 113/BC-SNN ngày 25/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án Di dời các cơ sở giết mổ gia súc nhỏ lẻ, xen kẽ trong khu dân cư thuộc 05 xã phía Bắc huyện Tuy Phước vào Cơ sở giết mổ động vật tập trung tại xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu

- Tăng cường công tác quản lý hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện. Đưa toàn bộ hoạt động của các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ lẻ, xen kẽ trong khu dân cư ở 05 xã phía Bắc huyện vào Nhà máy giết mổ động vật tập trung tại phường Nhơn An, thị xã An Nhơn. Kiên quyết xử lý những cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm hoạt động trái phép, chưa đảm bảo đầy đủ các điều kiện theo các quy định.

- Đảm bảo động vật khi đưa vào cơ sở giết mổ tập trung được kiểm tra chặt chẽ, đúng quy trình từ khâu nhốt, giữ, giết mổ, đến nơi tiêu thụ theo tiêu chuẩn vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Khắc phục và tiến tới chấm dứt tình trạng ô nhiễm môi trường trong khu dân cư do hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ lẻ gây ra.

- Quản lý hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm tại Nhà máy giết mổ gia súc, gia cầm tập trung đảm bảo theo các quy định hiện hành về vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường, phòng chống dịch bệnh và đảm bảo đáp ứng công suất, điều kiện để phục vụ việc giết mổ của cơ sở giết mổ nhỏ lẻ vào Nhà máy.

2. Nhiệm vụ

- Điều tra, thống kê số hộ có hoạt động giết mổ động vật nhỏ lẻ, xen kẽ trong dân cư thuộc 05 xã phía Bắc huyện Tuy Phước.

- Xây dựng và thực hiện chính sách hỗ trợ các chủ cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, xen kẽ trong khu dân cư khi thực hiện di dời đến nơi giết mổ tập trung.

- Tổ chức di dời các cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ, xen kẽ trong dân cư thuộc 05 xã phía Bắc huyện Tuy Phước vào hoạt động tại Cơ sở giết mổ động vật tập trung tại xã Nhơn An, thị xã An Nhơn để thực hiện tốt công tác quản lý, kiểm soát hoạt động giết mổ, từng bước hạn chế và đi đến xóa bỏ hình thức giết mổ nhỏ lẻ tại hộ gia đình; chủ động không chế và ngăn ngừa dịch bệnh lây lan; đảm bảo vệ sinh môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tổ chức đoàn kiểm tra liên ngành duy trì hoạt động trong 02 năm đầu tiên để tạo thói quen cho các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, xen kẽ trong khu dân cư vào Cơ sở giết mổ động vật tập trung.

3. Đối tượng hỗ trợ

- Đối với các chủ cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, các hộ cho thuê địa điểm giết mổ ở 05 xã phía Bắc huyện Tuy Phước có hoạt động giết mổ gia súc trong khu dân cư, có nhà ở, có đăng ký cư trú tại địa phương, có bản cam kết chấp hành chủ trương của nhà nước về di dời hoạt động giết mổ vào Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại xã Nhơn An, thị xã An Nhơn thì được hưởng các chính sách hỗ trợ theo chủ trương của tỉnh, huyện.

- *Lưu ý:* Không bao gồm các chủ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ lẻ, xen kẽ trong khu dân cư vào Cơ sở giết mổ động vật tập trung Phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn theo quy định tại Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh.

4. Chính sách hỗ trợ

- Hỗ trợ phí dịch vụ giết mổ và phí kiểm soát giết mổ: Theo Điều 9 của Quyết định số 51/2020/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh quy định về hỗ trợ phí dịch vụ giết mổ và phí kiểm soát giết mổ như sau: *Nhà nước hỗ trợ 100% năm thứ nhất và 50% cho năm thứ hai kể từ khi dự án đi vào hoạt động đối với phí dịch vụ giết mổ và phí kiểm soát giết mổ cho cá nhân đưa gia súc, gia*

cầm vào giết mổ tại các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trong giai đoạn 2021-2025.

+ Hỗ trợ phí dịch vụ giết mổ theo Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND tỉnh: 120.000 đồng/con lợn thịt, 170.000 đồng/con lợn nái và đực giống; 320.000 đồng/con trâu bò, 250.000 đồng/con bê nghé; 10.000 đồng/con gà, 20.000 đồng/con vịt.

+ Hỗ trợ phí kiểm soát giết mổ thú y theo mục IV Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính: 7.000 đồng/con lợn, 14.000 đồng/con trâu, bò và 200 đồng/con gia cầm.

- Ngoài ra, để tạo điều kiện cho các hộ giết mổ nhỏ lẻ đồng thuận với chủ trương của tỉnh và thực hiện Phương án đảm bảo đạt kết quả và thành công, ngân sách địa phương (huyện và xã) đã đề xuất hỗ trợ thêm như sau:

Ngân sách huyện hỗ trợ các nội dung

+ Hỗ trợ công tác thông tin tuyên truyền.

+ Hỗ trợ các hộ, cơ sở tháo dỡ, đập bỏ lò giết mổ thủ công (3.000.000 đồng/hộ).

+ Hỗ trợ chi phí vận chuyển gia súc đến và thịt, sản phẩm động vật sau giết mổ đi tiêu thụ (20.000 đồng/con lợn).

+ Hỗ trợ kinh phí cho Ban Chỉ đạo, Tổ công tác liên ngành, thuê xe chở Tổ công tác.

Ngân sách các xã: UBND các xã chủ động bố trí kinh phí để triển khai thực hiện các nội dung

+ Hỗ trợ công tác thông tin tuyên truyền.

+ Hỗ trợ kinh phí cho Ban Chỉ đạo, Tổ công tác liên ngành.

+ Hỗ trợ kinh phí xử lý tiêu hủy thịt và sản phẩm động vật vi phạm.

5. Kinh phí và nguồn vốn thực hiện: Tổng nguồn kinh phí hỗ trợ để thực hiện Phương án là: **5.383.800.000 đồng**. Trong đó:

5.1. Ngân sách tỉnh hỗ trợ theo Quyết định số 51/2020/QĐ-UBND: 4.336.200.000 đồng, bao gồm:

Hỗ trợ phí dịch vụ giết mổ và phí kiểm soát giết mổ (100% năm thứ nhất và 50% năm thứ hai). Trong đó:

- Hỗ trợ phí dịch vụ giết mổ: 4.106.250.000 đồng.

- Hỗ trợ phí kiểm soát giết mổ: 229.950.000 đồng.

5.2. Ngân sách huyện hỗ trợ: 1.047.600.000 đồng, Trong đó:

- Hỗ trợ phí tháo dỡ, đập bỏ các lò thủ công: 132.000.000 đồng.

- Hỗ trợ phí vận chuyển gia súc đến và thịt, sản phẩm động vật sau giết mổ đi tiêu thụ (100% năm thứ nhất và 50% năm thứ hai): 657.000.000 đồng.

- Hỗ trợ công tác thông tin tuyên truyền huyện: 3.000.000 đồng.
- Hỗ trợ kinh phí cho Ban Chỉ đạo, Tổ công tác liên ngành: 255.600.000 đồng

6. Phương thức hỗ trợ

6.1. Về phương thức hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân đưa gia súc, gia cầm vào cơ sở giết mổ tập trung thông qua Cơ sở giết mổ động vật tập trung Nhơn An.
- Kinh phí hỗ trợ phí dịch vụ giết mổ và phí kiểm soát giết mổ được cấp phát theo hình thức ngân sách tỉnh bổ sung mục tiêu cho ngân sách thị xã An Nhơn để thực hiện.
- UBND thị xã An Nhơn chịu trách nhiệm quản lý, cấp phát và quyết toán theo đúng quy định.

6.2. Về thủ tục thanh toán hỗ trợ

a) Đối với việc hỗ trợ phí dịch vụ giết mổ:

- Cơ sở giết mổ động vật tập trung Nhơn An thực hiện lập danh sách các tổ chức, cá nhân đưa động vật vào Cơ sở giết mổ và có trách nhiệm thực hiện việc xác nhận số lượng động vật đã giết mổ theo đúng thành phần như sau: đại diện chủ Cơ sở giết mổ, đại diện Cơ quan thú y, đại diện Tổ kiểm tra, giám sát của thị xã An Nhơn và tổ chức, cá nhân đưa động vật vào giết mổ.
- Căn cứ kết quả xác nhận theo bảng kê danh sách hàng ngày, định kỳ 10 ngày, Cơ sở giết mổ xuất hóa đơn cho từng cá nhân đưa động vật đã được giết mổ tại Cơ sở giết mổ và tổng hợp hồ sơ thanh toán gửi UBND thị xã An Nhơn để làm thủ tục thanh toán.

Hồ sơ thanh toán bao gồm: Bảng kê danh sách các cá nhân đưa động vật vào Cơ sở giết mổ có xác nhận các thành phần theo quy định, hóa đơn của Công ty xuất cho từng cá nhân, văn bản đề nghị thanh toán của Công ty.

- Trên cơ sở hồ sơ chứng từ mà Cơ sở giết mổ cung cấp, UBND thị xã An Nhơn chịu trách nhiệm kiểm tra và làm thủ tục thanh toán hỗ trợ phí dịch vụ giết mổ cho Cơ sở giết mổ. Đồng thời thực hiện công khai kinh phí hỗ trợ tại Cơ sở giết mổ cho các tổ chức, cá nhân biết. Nội dung công khai phải đảm bảo theo một số tiêu chí như sau: Danh sách các tổ chức, cá nhân đưa động vật vào giết mổ; số kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo từng đợt thanh toán; số lượng từng loại động vật đưa vào giết mổ (đã được kiểm soát giết mổ) và một số tiêu chí khác liên quan.

b) Đối với việc hỗ trợ phí kiểm soát giết mổ:

- Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thị xã An Nhơn chịu trách nhiệm thực hiện kiểm soát giết mổ tại Cơ sở giết mổ, lập bảng kê danh sách các cá nhân đưa động vật vào Cơ sở giết mổ đã được giết mổ theo đúng thành phần như sau: đại diện Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thị xã An Nhơn, đại diện Chủ Cơ sở giết mổ, đại diện Tổ kiểm tra, giám sát của thị xã An Nhơn và các cá nhân đưa động

vật vào giết mổ. Đồng thời, xuất biên lai thu phí kiểm soát giết mổ cho từng cá nhân có động vật đã được giết mổ và tổng hợp hồ sơ thanh toán gửi cơ quan kho bạc để làm thủ tục thanh toán.

- Hồ sơ thanh toán bao gồm: Bảng kê danh sách các cá nhân có động vật đã được giết mổ tại Cơ sở giết mổ có xác nhận của 4 thành phần đã nêu trên, bảng kê tổng hợp biên lai thu phí kiểm soát giết mổ (kèm theo biên lai thu phí, lệ phí của từng cá nhân).

Lưu ý: Số lượng động vật giết mổ tại Cơ sở giết mổ và số lượng động vật của các tổ chức, cá nhân đưa vào giết mổ phải trùng khớp đối với hai loại phí dịch vụ giết mổ và phí kiểm soát giết mổ.

(Chi tiết theo Phương án đính kèm tại Tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 22/3/2023 của UBND huyện Tuy Phước)

Điều 2. UBND huyện Tuy Phước chủ trì, phối hợp với UBND thị xã An Nhơn và các sở, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Phương án.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Công Thương; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước, Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
TỔNG KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN DI DỜI CƠ SỞ GIẾT MỒ GIA SÚC, GIA CẦM
NHỎ LẺ, XEN KẼ TRONG KHU DÂN CƯ CỦA 05 XÃ PHÍA BẮC HUYỆN VÀO
CƠ SỞ GIẾT MỒ ĐỘNG VẬT TẬP TRUNG NHƠN AN
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Số lượng	Mức hỗ trợ	Thời gian hỗ trợ	Tỷ lệ hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)
TỔNG CỘNG = (I) + (II) + (III)						5.383.800.000
I	NGÂN SÁCH TỈNH					4.336.200.000
1	Phí dịch vụ giết mổ					4.106.250.000
1.1	Năm thứ I (Hỗ trợ 100% theo Quyết định số 51/2020/QĐ-UBND và Quyết định số 122/QĐ-UBND)	60		365	100	2.737.500.000
-	Lợn thịt	54	120.000	365	100	2.365.200.000
-	Lợn nái, lợn đực giống	6	170.000	365	100	372.300.000
1.2	Năm thứ II (Hỗ trợ 50% theo Quyết định số 51/2020/QĐ-UBND và Quyết định số 122/QĐ-UBND)	60		365	50	1.368.750.000
-	Lợn thịt	54	120.000	365	50	1.182.600.000
-	Lợn nái, lợn đực giống	6	170.000	365	50	186.150.000
2	Phí kiểm soát giết mổ					229.950.000
2.1	Năm thứ I (Hỗ trợ 100% theo Quyết định số 51/2020/QĐ-UBND và Thông tư số 101/2020/TT-BTC)	60	7.000	365	100	153.300.000
-	Lợn thịt, lợn nái, lợn đực giống	60	7.000	365	100	153.300.000
2.2	Năm thứ II (Hỗ trợ 50% theo Quyết định số 51/2020/QĐ-UBND và Thông tư số 101/2020/TT-BTC)	60	7.000	365	50	76.650.000
-	Lợn thịt, lợn nái, lợn đực giống	60	7.000	365	50	76.650.000
II	NGÂN SÁCH HUYỆN					1.047.600.000
1	Hỗ trợ công tác thông tin tuyên truyền					3.000.000
-	Hỗ trợ cho VH-TT-TT	1	3.000.000	1	100	3.000.000
2	Hỗ trợ tháo dỡ, đập bỏ các lò giết mổ thủ công	44	3.000.000	1	100	132.000.000
3	Hỗ trợ chi phí vận chuyển					657.000.000
-	Năm thứ I: Hỗ trợ 100%	60	20.000	365	100	438.000.000
	Lợn thịt, lợn nái, lợn đực giống	60	20.000	365	100	438.000.000
-	Năm thứ II: Hỗ trợ 50%	60	20.000	365	50	219.000.000
	Lợn thịt, lợn nái, lợn đực giống	60	20.000	365	50	219.000.000
4	Hỗ trợ Ban Chỉ đạo, Tổ công tác liên ngành					255.600.000
-	Hỗ trợ Ban Chỉ đạo huyện (18 người, định mức 200.000 đồng/người/tháng, 06 tháng)	18	200.000	6	100	21.600.000
-	Hỗ trợ TCT liên ngành (09 người, định mức 300.000 đồng/người/ngày đêm, 02 tháng đầu hoạt động 15 ngày đêm/tháng; 06 tháng sau hoạt động 05 ngày đêm/tháng)	9	300.000	60	100	162.000.000
-	Tiền thuê xe đi kiểm tra (định mức 1.200.000 đồng/ngày đêm, 02 tháng đầu hoạt động 15 ngày đêm/tháng; 06 tháng sau hoạt động 05 ngày đêm/tháng)	1	1.200.000	60	100	72.000.000

Tổng cộng chi hỗ trợ 02 năm		5.383.800.000
1	Ngân sách tỉnh chi hỗ trợ (theo Quyết định số 51/2020/QĐ-UBND)	4.336.200.000
	Năm thứ I tỉnh hỗ trợ	2.890.800.000
	Năm thứ II tỉnh hỗ trợ	1.445.400.000
2	Ngân sách huyện chi hỗ trợ	1.047.600.000